

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 3619 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp
mai táng phí cho thân nhân của các đối tượng Dân công hỏa tuyến theo
Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ mức lương tối thiểu chung quy định tại các Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013; Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3150/TTr-SLĐTBXH ngày 15/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí cho thân nhân các đối tượng dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. Số đối tượng: 155 người; với tổng kinh phí: 1.886.600.000 đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

(Chi tiết tại phụ lục và danh sách kèm theo)

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn đảm bảo xã hội khác trong dự toán ngân sách tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Tài chính thông báo bổ sung mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo theo quy định.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện phê duyệt số đối tượng và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí cho người tổ chức mai táng phí kịp thời, đúng đối tượng và định mức theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý và chi trả chế độ trợ cấp mai táng phí cho thân nhân của đối tượng dân công hỏa tuyến, thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

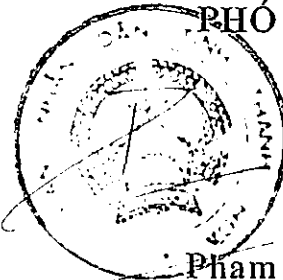
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.NCC146

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục 1: Tổng hợp đối tượng và kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân đối tượng dân công hỏa tuyến theo Quyết định số 492/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số: 3619/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Người	Kinh phí (đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Huyện Cẩm Thủy	16	197.200.000	
2	Huyện Hoằng Hóa	17	208.400.000	
3	Huyện Triệu Sơn	46	556.600.000	
4	Huyện Vĩnh Lộc	9	109.800.000	
5	Thành phố Sầm Sơn	4	48.400.000	
6	Huyện Thiệu Hóa	9	110.700.000	
7	Huyện Hà Trung	7	84.700.000	
8	Huyện Nông Cống	1	12.100.000	
9	Huyện Yên Định	11	133.100.000	
10	Huyện Quan Sơn	1	12.100.000	
11	Huyện Quảng Xương	3	36.300.000	
12	Thị xã Bìn Sơn	1	12.100.000	
13	Thành phố Thanh Hóa	2	26.000.000	
14	Huyện Thọ Xuân	28	339.100.000	
	Cộng	155	1.886.600.000	

Phụ lục 2: Danh sách đối tượng từ trần đề nghị trợ cấp mai táng phí
theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

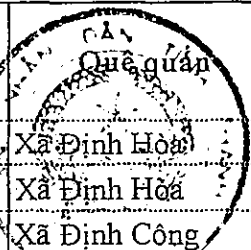
STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
1	Huyện Cẩm Thủy								
1	Trần Thị Nhâm	1916	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	1774-1775	1/4/2017	Đào Ngọc Hưng	Con	12.100.000
2	Trần Thị Tài	1923	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	1774-1775	16/5/2016	Đỗ Thị Anh	Con	12.100.000
3	Trần Văn Chính	1950	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	2280	17/5/2017	Trần Thị Vân	Vợ	12.100.000
4	Bùi Văn Khoa	1931	Xã Cẩm Tú	Xã Cẩm Tú	1774-1775	25/2/2017	Bùi Việt Hồng	Con	12.100.000
5	Cao Thị Ngải	1927	Xã Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	1268	21/12/2016	Phạm Huy Liệu	Con	12.100.000
6	Cao Văn Đảo	1922	Xã Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	1268	2/5/2017	Cao Hồng Quân	Con	12.100.000
7	Bùi Văn Cài	1926	Xã Cẩm Quý	Xã Cẩm Quý	1268	2/5/2017	Bùi Văn Luân	Con	12.100.000
8	Hà Văn Quế	1950	Xã Cẩm Ngọc	Xã Cẩm Ngọc	2268	12/3/2017	Quách Thị Kỳ	Vợ	12.100.000
9	Trần Ngọc Sinh	1933	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	1774-1775	27/6/2017	Đào Thị Dung	Vợ	12.100.000
10	Quách Thị Bích	1940	Xã Cẩm Yên	Xã Cẩm Yên	2280	27/01/2017	Phạm Văn Hậu	Con	12.100.000
11	Phạm Văn Ấp	1923	Xã Cẩm Giang	Xã Cẩm Giang	1774-1775	12/2/2016	Phạm Văn Nhật	Con	12.100.000
12	Trịnh Xuân Như	1926	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	1774-1776	30/7/2017	Trịnh Văn Quý	Con	13.000.000
13	Nguyễn Văn Đức	1954	Xã Cẩm Phong	Xã Cẩm Phong	1774-1777	15/8/2017	Nguyễn Văn Hưng	Con	13.000.000
14	Cao Bằng Tiến	1934	Xã Cẩm Thành	Xã Cẩm Thành	2280	26/01/2017	Cao Thị Lan	Con	12.100.000
15	Bùi Thị Tới	1932	Xã Cẩm Quý	Xã Cẩm Quý	692	9/8/2017	Cao Văn Quang	Chồng	13.000.000
16	Quách Thị Bông	1932	Xã Cẩm Quý	Xã Cẩm Quý	1774-1775	31/7/2017	Nguyễn Văn Tiến	Con	13.000.000
	Cộng								197.200.000
2	Huyện Hoảng Hóa								
1	Nguyễn Văn Giảng	1923	Xã Hoảng Xuyên	Xã Hoảng Xuyên	39-41	16/2/2017	Nguyễn Văn Quý	Con	12.100.000
2	Phùng Thị Thoại	1931	Xã Hoảng Xuyên	Xã Hoảng Xuyên	39-41	28/4/2017	Nguyễn Văn Chon	Chồng	12.100.000
3	Lê Văn Cản	1925	Xã Hoảng Quý	Xã Hoảng Quý	2280	31/5/2017	Lê Văn Mận	Con	12.100.000
4	Nguyễn Thị Xuân	1920	Xã Hoảng Phúc	Xã Hoảng Phúc	1774-1775	15/7/2016	Cao Muôn Năm	Con	12.100.000
5	Nguyễn Văn Linh	1950	Xã Hoảng Phúc	Xã Hoảng Phúc	1774-1775	29/5/2017	Trịnh Thị Chuy	Vợ	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
6	Nguyễn Hữu Bời	1932	Xã Hoàng Phúc	Xã Hoàng Phúc	2280	30/5/2017	Đinh Thị Xế	Vợ	12.100.000
7	Lê Thị Thân	1928	Xã Hoàng Phúc	Xã Hoàng Phúc	1774- 1775	30/3/2017	Lê Hữu Dũng	Con	12.100.000
8	Nguyễn Thị Thêm	1917	Xã Hoàng Thái	Xã Hoàng Thái	3941	1/7/2017	Lê Văn Lục	Cháu	13.000.000
9	Nguyễn Thị Doạt	1932	Xã Hoàng Lưu	Xã Hoàng Lưu	39-41	11/6/2016	Nguyễn Văn Thục	Con	12.100.000
10	Trịnh Thị Yên	1922	Xã Hoàng Phú	Xã Hoàng Phú	214	26/1/2017	Lê Xuân Giao	Con	12.100.000
11	Lê Bá Ngân	1946	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	692	3/5/2017	Hà Thị Do	Vợ	12.100.000
12	Lê Huy Bọt	1923	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	692	01/06/2016	Lê Duy Hòa	Con	12.100.000
13	Nguyễn Văn Toai	1923	Xã Hoàng Lộc	Xã Hoàng Lộc	214	23/11/2016	Bùi Thị Tâm	Vợ	12.100.000
14	Lê Thị Soạn	1921	Xã Hoàng Thái	Xã Hoàng Thái	214	13/8/2017	Nguyễn Văn Trí	Con	13.000.000
15	Nguyễn Văn Bôn	1927	Xã Hoàng Phong	Xã Hoàng Phong	39-41	14/4/2017	Nguyễn Hữu My	Con	12.100.000
16	Lường Thị Bùi	1932	Xã Hoàng Phong	Xã Hoàng Phong	39-41	3/6/2017	Lường Hữu Chiến	Con	13.000.000
17	Lường Huy Thắt	1923	Xã Hoàng Phong	Xã Hoàng Phong	39-41	18/6/2017	Lường Huy Thành	Con	12.100.000
	Cộng								208.400.000
3	Huyện Triệu Sơn								
1	Lê Thị Hữu	1932	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thành	1774-1775	16/4/2017	Nguyễn Đình Hưng	Con	12.100.000
2	Hà Duy Nền	1919	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thành	1774-1775	1/4/2017	Hà Duyên Công	Con	12.100.000
3	Nguyễn Đình Chén	1926	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thành	1774-1775	18/5/2016	Nguyễn Đình Hưng	Con	12.100.000
4	Nguyễn Thị Thịnh	1920	Xã Hợp Thành	Xã Hợp Thành	1774-1775	15/3/2017	Hoàng Khắc Thịnh	Con	12.100.000
5	Đào Thị Lý	1929	Xã Tiên Nông	Xã Tiên Nông	1774-1775	30/11/2006	Hà Đào Đăng	Con	12.100.000
6	Lê Đình Nuôi	1928	Xã Tiên Nông	Xã Tiên Nông	1268	16/12/2016	Lê Đình Chơ	Con	12.100.000
7	Nguyễn Thị Đan	1922	Xã Tiên Nông	Xã Tiên Nông	1774-1775	22/5/2017	Nguyễn Văn Chanh	Con	12.100.000
8	Đào Thị Thịnh	1922	Xã Tiên Nông	Xã Tiên Nông	1774-1775	16/4/2016	Đào Hữu Nghinh	Con	12.100.000
9	Lê Thị Sen	1927	Xã Tiên Nông	Thị Trấn	1774-1774	25/3/2017	Thành Văn Thăng	Con	12.100.000
10	Đàm Thị Tài	1930	Xã Thọ Tân	Xã Thọ Tân	1268	16/10/2016	Phạm Thị Hồng	Con	12.100.000
11	Nguyễn Như Khoản	1930	Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	1774-1775	14/4/2017	Nguyễn Như Lai	Con	12.100.000
12	Nguyễn Thị Nghi	1923	Xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	1774-1775	1/1/1923	Hoàng Văn Hùng	Con	12.100.000
13	Đoàn Thị Nhiều	1922	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	1268	20/1/2016	Vũ Hữu Bình	Con	12.100.000
14	Lê Văn Tường	1921	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	1774-1775	4/3/2017	Lê Hải Đường	Con	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quốc gia	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
15	Bùi Thị Cáp	1931	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	1774-1775	15/11/2016	Lê Hữu Hạnh	Con	12.100.000
16	Lê Văn Chi	1928	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	1774-1775	4/3/2017	Lê Văn Lũy	Con	12.100.000
17	Nguyễn Thị Thai	1924	Xã Thọ Phú	Xã Thọ Phú	1268	22/1/2017	Lê Văn Dị	Con	12.100.000
18	Lê Thị Luyến	1932	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	1774-1775	30/3/2017	Lê Văn Thích	Chồng	12.100.000
19	Lê Thị Lược	1932	Xã Xuân Lộc	Xã Thọ Dân	1774-1775	27/4/2017	Nguyễn Thị Xuyên	Con dâu	12.100.000
20	Bùi Thị Hồng	1929	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	2280	5/3/2017	Lê Xuân Thông	Con	12.100.000
21	Lê Thị Pháo	1929	Xã An Nông	Xã An Nông	1774-1775	24/3/2016	Đào Công Toàn	Con	12.100.000
22	Đào Thị Đàm	1921	Xã An Nông	Xã An Nông	1774-1775	2/6/2016	Đỗ Văn Kế	Con	12.100.000
23	Đào Thị Lạo	1933	Xã An Nông	Xã An Nông	1268	19/12/2016	Đào Huy Phúc	Con	12.100.000
24	Hoàng Văn Tâm	1930	Xã An Nông	Xã An Nông	1774-1775	1/6/2016	Hoàng Văn Sâm	Con	12.100.000
25	Nguyễn Văn Đề	1933	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	29/8/2016	Nguyễn Văn Sơn	Con	12.100.000
26	Nguyễn Thị Lịch	1925	Xã An Nông	Xã An Nông	1268	28/3/2017	Đào Huy Đàm	Con	12.100.000
27	Hoàng Văn Hoành	1932	Xã An Nông	Xã An Nông	1268	11/7/2016	Hoàng Văn Vỵ	Con	12.100.000
28	Lê Thị Linh	1926	Xã Tân Ninh	Xã Tân Ninh	1774-1775	5/4/2017	Lê Đồng Kế	Con	12.100.000
29	Nguyễn Thị Hạnh	1920	Xã Khuyến Nông	Xã Khuyến Nông	1774-1775	7/4/2016	Nguyễn Đình Quoi	Con	12.100.000
30	Nguyễn Thị Duệ	1932	Xã Khuyến Nông	Xã Khuyến Nông	1774-1775	11/1/2017	Phạm Văn Sang	Con	12.100.000
31	Lê Thị Nghinh	1929	Xã Minh Dân	Xã Minh Dân	1268	5/3/2017	Lê Xuân Lung	Chồng	12.100.000
32	Lê Thị Miên	1923	Xã Dân Lý	Xã Dân Lý	1774-1775	28/10/2016	Lê Xuân Tàu	Con	12.100.000
33	Nguyễn Thị Dậu	1929	Xã Dân Lý	Xã Dân Lý	1774-1775	12/11/2016	Nguyễn Thành Minh	Con	12.100.000
34	Lê Văn Thương	1926	Xã Thọ Thế	Xã Thọ Thế	1774-1775	28/12/2016	Lê Thị Thu	Vợ	12.100.000
35	Nguyễn Thị Năm	1929	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	2280	1/2/2017	Nguyễn Văn Ché	Con	12.100.000
36	Nguyễn Thị Truyền	1923	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	2280	25/1/2017	Nhữ Mai Đoàn	Con	12.100.000
37	Hoàng Văn Trinh	1933	Xã Đồng Tiến	Xã Đồng Tiến	2280	2/6/2017	Phạm Thị Nội	Con dâu	12.100.000
38	Lê Thị Sang	1923	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	2280	22/6/2016	Lê Thị Tựa	Con	12.100.000
39	Lê Thị Bát	1922	Xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	1922	19/9/2016	Lê Thị Nhẫn	Con	12.100.000
40	Nguyễn Thị Nhò	1931	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	7/1/2017	Lê Duy Thắng	Con	12.100.000
41	Trần Thị Kính	1921	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	23/3/2017	Vũ Ngọc Thúc	Con	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
42	Lê Đình Lương	1929	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	1/4/2016	Lê Đình Vệ	Con	12.100.000
43	Hà Thị Chè	1927	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	20/10/2016	Tô Văn Huân	Con	12.100.000
44	Nguyễn Thị Khôn	1924	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	14/3/2017	Hồ Sỹ Nhân	Con	12.100.000
45	Nguyễn Thị Ni	1926	Xã Nông Trường	Xã Nông Trường	1774-1775	9/5/2017	Thiều Hữu Nông	Con	12.100.000
46	Nguyễn Thị Ngay	1926	Xã Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng	1268	3/6/2016	Lê Quang Hồng	Con	12.100.000
	Cộng								556.600.000
4	Huyện Vĩnh Lộc								
1	Tào Thị Cầm	1930	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang	1774-1775	13/12/2016	Đỗ Văn Hoạt	Con	12.100.000
2	Phạm Thị Này	1930	Xã Vĩnh Quang	Xã Vĩnh Quang	1774-1775	15/6/2017	Vũ Đình Dưỡng	Con	12.100.000
3	Phạm Thị Yêm	1931	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	1774-1775	5/12/2016	Trương Trọng Miên	Con	12.100.000
4	Trần Thị Túc	1920	Xã Thạch Long	Xã Vĩnh Tiến	1774-1775	14/11/2016	Tào Quang Khiển	Con	12.100.000
5	Nguyễn Trọng Diễn	1919	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	1774-1776	4/1/2017	Nguyễn Trọng Hà	Con	12.100.000
6	Lê Thị Sáng	1925	Xã Vĩnh Tiến	Xã Vĩnh Tiến	2280	29/3/2017	Trương Trọng Hóa	Con	12.100.000
7	Trịnh Thị Chung	1928	Xã Vĩnh Ninh	Xã Vĩnh Tiến	39-41	24/4/2017	Trương Xuân Dục	Con	12.100.000
8	Phạm Thị Thi	1931	Xã Vĩnh Minh	Xã Vĩnh Minh	39-41	7/3/2017	Lê Xuân Tô	Chồng	12.100.000
9	Nguyễn Văn Bông	1922	Xã Vĩnh Hùng	Xã Vĩnh Hùng	39-41	3/7/2017	Nguyễn Văn Minh	Cháu	13.000.000
	Cộng								109.800.000
5	Thành phố Sầm Sơn								
1	Đới Thị Búp	1942	Xã Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	2280	5/6/2017	Lê Văn Duẩn	Con	12.100.000
2	Lê Bá Thuyết	1931	Xã Quảng Minh	Xã Quảng Minh	214	2/8/2016	Vũ Thị Nê	Vợ	12.100.000
3	Trần Thị Hiên	1924	Xã Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	214	26/11/2016	Lê Văn Nhung	Con	12.100.000
4	Lê Thị Quý	1935	Xã Quảng Thọ	P. Quảng Thọ	214	16/12/2016	Lê Đình Khoa	Con	12.100.000
	Cộng								48.400.000
6	Huyện Thiệu Hóa								
1	Lê Trọng Tiểu	1926	Xã Thiệu Lý	Xã Thiệu Lý	2280	3/5/2017	Lê Trọng Trường	Con	12.100.000
2	Lê Hữu Sỏ	1924	Xã Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc	3941	13/5/2017	Lê Hữu Tiệp	Con	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
3	Nguyễn Thị Hy	1930	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	1774	5/6/2016	Nguyễn Đức Hồng	Con	12.100.000
4	Lê Thị Vạn	1927	Xã Thiệu Duy	Xã Thiệu Duy	2280	15/5/2017	Lê Thị Tính	Con	12.100.000
5	Lê Thị Ân	1931	Thị trấn Văn Hà	Thị trấn Văn Hà	214	24/7/2017	Trần Văn Phú	Chồng	13.000.000
6	Lê Đình Tiêu	1925	Xã Thiệu Lý	Xã Thiệu Lý	2280	7/5/2017	Lê Thị Long	Con	12.100.000
7	Nguyễn Công Hằng	1938	Xã Thiệu Nguyên	Xã Thiệu Nguyên	214	7/7/2017	Nguyễn Công Hân	Con	13.000.000
8	Nguyễn Việt Kính	1926	Xã Thiệu Nguyên	Xã Thiệu Nguyên	214	16/6/2017	Nguyễn Việt Hoan	Con	12.100.000
9	Đỗ Thị Dục	1925	Xã Thiệu Hợp	Xã Thiệu Hợp	2280	24/5/2017	Đinh Ngọc Dương	Con	12.100.000
	Cộng								110.700.000
7	Huyện Hà Trung								
1	Bùi Xuân Lung	1923	Xã Hà Bắc	Xã Hà Bắc	39/41	13/4/2017	Nguyễn Thị Mến	Vợ	12.100.000
2	Bùi Văn Tắc	1922	Xã Hà Tiến	Xã Hà Tiến	2280	17/01/2017	Bùi Văn Gân	Con	12.100.000
3	Tổng Thị Châm	1925	Xã Hà Tiến	Xã Hà Tiến	2280	28/6/206	Bùi Văn Ước	Con	12.100.000
4	Phạm Thị Khánh	1920	Xã Hà Vân	Xã Hà Vân	1774-1775	25/3/2017	Nguyễn Thị Sang	Con	12.100.000
5	Lê Văn Lâm	1933	Xã Hà Vân	Xã Hà Vân	39-41	11/01/2017	Lê Văn Châu	Con	12.100.000
6	Mai Thị Tiêm	1935	Xã Hà Vân	Xã Hà Vân	39-41	03/6/2017	Mai Thị Khoa	Con	12.100.000
7	Nguyễn Trường Cúp	1935	Xã Hà Vân	Xã Hà Vân	214	01/3/2017	Nguyễn Thị Chuyện	Vợ	12.100.000
	Cộng								84.700.000
8	Huyện Nông Cống								
1	Lê Thị Môn	1923	Xã Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang	1774-1775	27/12/2016	Lê Văn Tuấn	Con	12.100.000
9	Huyện Yên Định								
1	Lê Thị Lân	1928	Xã Yên Thọ	Xã Yên Thọ	39-41	15/5/2017	Dương Quốc Hiến	Con	12.100.000
2	Phạm Thị Năng	1923	Xã Yên Phong	Xã Yên Phong	2280	15/4/2017	Nguyễn Ngọc Tú	Con	12.100.000
3	Nguyễn Hữu Ngân	1950	Xã Định Tân	Xã Định Tân	39-41	20/9/2016	Trịnh Thị Chung	Vợ	12.100.000
4	Lưu Thị Tảo	1922	Xã Định Liên	Xã Định Liên	1774-1775	15/11/2016	Nguyễn Xuân Thắng	Con	12.100.000
5	Trịnh Đình Tiếp	1932	Xã Định Liên	Xã Định Liên	1268	3/5/2016	Nguyễn Thị Vạn	Vợ	12.100.000
6	Hải Thị Tắc	1913	Xã Yên Ninh	Xã Yên Ninh	39-41	11/1/2017	Lê Thị Chè	Con	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh		Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
7	Trịnh Thị Tung	1924	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	2280	4/5/2017	Vũ Văn Sáng	Con	12.100.000
8	Ngô Thị Luật	1937	Xã Định Hòa	Xã Định Hòa	39-41	15/5/2017	Hoàng Văn Bài	Chồng	12.100.000
9	Bùi Thị An	1929	Xã Định Công	Xã Định Công	39-41	10/2/2017	Phạm Ngọc Toàn	Chồng	12.100.000
10	Hà Thị Nhánh	1937	Xã Định Tường	Xã Định Tường	1774-1775	27/12/2016	Trịnh Văn Thiều	Con	12.100.000
11	Trịnh Văn Dễn	1934	Xã Yên Giang	Xã Yên Giang	2280	10/7/2016	Trịnh Văn Bảy	Con	12.100.000
	Cộng								133.100.000
10	Huyện Quan Sơn								
1	Lữ Thị Nghị	1932	Xã Trung Xuân	Xã Trung Xuân	39-41	22/6/2017	Phạm Bá Lâm	Con	12.100.000
11	Huyện Quảng Xương								
1	Nguyễn Thị Ve	1934	Xã Quảng Lĩnh	Xã Quảng Lĩnh	39-41	5/6/2016	Lê Văn Ân	Chồng	12.100.000
2	Hà Thị Đồng	1916	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	39-41	18/2/2017	Nguyễn Bá Tường	Con	12.100.000
3	Hoàng Thị Đoài	1930	Xã Quảng Trường	Xã Quảng Trường	39-41	9/5/2017	Nguyễn Văn Nhuận	Con	12.100.000
	Cộng								36.300.000
12	Thị xã Bỉm Sơn								
1	Trương Thị Mùa	1932	Xã Hà Lan	Xã Hà Lan	1174-1175	1/11/2016	Lương Văn Niên	Con	12.100.000
13	Thành Phố Thanh Hóa								
1	Nguyễn Thế Đào	1923	P. Đông Vệ	P. Đông Vệ	1268	22/7/2017	Nguyễn Thế Hùng	Con	13.000.000
2	Nguyễn Thị Năm	1925	Xã Quảng Tâm	Xã Quảng Tâm	39-41	12/7/2017	Nguyễn Khắc Kênh	Chồng	13.000.000
	Cộng								26.000.000
14	Huyện Thọ Xuân								
1	Nguyễn Văn Chiêu	1932	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	20/3/2017	Nguyễn Văn Thi	Con	12.100.000
2	Trịnh Thị Hào	1929	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	22/02/2017	Trần danh Dũng	Con	12.100.000
3	Đỗ Thị Tạng	1921	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	25/3/2017	Trần Đức Hạnh	Con	12.100.000
4	Trần danh Tây	1927	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	26/7/2017	Trần danh Hùng	Con	12.100.000
5	Lê Thị Xuân	1926	Xã Xuân Tín	Xã Xuân Tín	214	25/7/2016	Lê Thị Mười	Con	12.100.000
6	Lê Thị Lượ	1934	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	11/9/2016	Lê Thị Thắng	Con	12.100.000

STT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày tháng năm từ trần	Họ và tên thân nhân hưởng trợ cấp	Quan hệ với người từ trần	Mức hưởng (đồng)
7	Lê Thị Tinh	1929	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	15/12/2016	Nguyễn Thị Sen	Con	12.100.000
8	Lê Thị Cát	1925	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	26/6/2017	Lê Thị Phương	Con	12.100.000
9	Lê Thị Nhượng	1934	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	02/8/2016	Hoàng Văn Ngọc	Con	12.100.000
10	Nguyễn Thị Nghiên	1920	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	30/11/2016	Lê Doãn Bình	Con	12.100.000
11	Trịnh Thị Nông	1931	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	05/4/2017	Trịnh Văn Vân	Con	12.100.000
12	Trịnh Văn Liễu	1930	Xã Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc	214	21/11/2016	Trịnh Văn Chuyển	Con	12.100.000
14	Phan Thị Sơn	1923	Xã Xuân Châu	Xã Xuân Châu	214	20/3/2017	Trần Văn Nuong	Con	12.100.000
15	Vũ Văn Kinh	1920	Kim Sơn Hà Nam Ninh	Xã Xuân Châu	214	21/11/2016	Trần Thị Huệ	Vợ	12.100.000
16	Trần Thị Kỳ	1927	Xã Xuân Châu	Xã Xuân Châu	214	16/9/2016	Trần Văn Việt	Con	12.100.000
17	Lê Văn Thiu	1914	Xã Xuân Châu	Xã Xuân Châu	214	11/6/2016	Lê Quang Vị	Con	12.100.000
18	Lê Ngọc Lam	1920	Nam Ngạn TP Thanh hóa	Xã Xuân Châu	214	19/02/2016	Lê Ngọc Bình	Con	11.500.000
19	Đỗ Thị Nga	1928	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	2280	01/01/2017	Đỗ Mạnh Hùng	Con	12.100.000
20	Đỗ Thị Nghiêm	1915	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	2280	02/11/2016	Đỗ Thị Thuật	Con	12.100.000
21	Đỗ Thị Tơ	1934	Xã Xuân Trường	Xã Xuân Trường	2280	13/8/2016	Đỗ Ngọc Bình	Con	12.100.000
22	Trần Thị Bồng	1932	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	39-41	06/02/2017	Phạm Hữu Côi	Con	12.100.000
23	Nguyễn Thị Vần	1924	Thạch Hà Hà Tĩnh	Xã Thọ Minh	39-41	04/02/2017	Lê Mạnh Lành	Con	12.100.000
24	Lê Văn Búi	1927	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	214	04/4/2017	Lê Văn Lung	Con	12.100.000
25	Mai Thị Lễ	1926	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	214	01/7/2016	Lê Văn Lung	Con	12.100.000
26	Lê Viết Đắc	1924	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	214	28/9/2016	Lê Viết Dũng	Con	12.100.000
27	Lữ Thị Nghi	1932	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	214	06/5/2016	Lê Văn Phúc	Con	12.100.000
13	Lê Thị Vượng	1931	Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh	214	03/8/2017	Lữ Đăng Thành	Con	13.000.000
28	Nguyễn Thị Huệ	1931	Xã Xuân Bái	Xã Xuân Bái	214	22/4/2017	Hoàng Đình Còi	Chồng	12.100.000
	Cộng								339.100.000